

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí học kỳ II, năm học 2024 – 2025
cho sinh viên sư phạm theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP, ngày 25/09/2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ban hành ngày 24/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Bạc Liêu;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019 về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định 618/QĐ-ĐHBL ngày 10/9/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Bạc Liêu về việc quy định mức thu học phí trình độ đại học, cao đẳng chính quy năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 1554/QĐ-UBND ban hành ngày 29/6/2025 về việc chuyển nguyên trạng các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (mới)

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch và Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí học kỳ II, năm học 2024 – 2025 cho sinh viên sư phạm theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 như sau:

- Hỗ trợ tiền đóng học phí cho 298 sinh viên (theo danh sách đính kèm).
- Tổng số tiền: **1.904.880.000 đồng**

(Số tiền bằng chữ: Một tỷ chín trăm lẻ bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí NSNN cấp - Kinh phí không thực hiện tự chủ.

Điều 3. Trường các đơn vị thuộc trường, các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG 

Phan Văn Đàn

**DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĐÓNG HỌC PHÍ
THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2020/NĐ-CP, NGÀY 25/09/2020**

HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 547 /QĐ-ĐHBL, ngày 31 tháng 7 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu)

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Lớp	Học phí HK II, NH 2024-2025	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Anh	15DSPT	6.450.000	
2	Lê Tường Duy	15DSPT	6.450.000	
3	Nguyễn Ngọc Đỉnh	15DSPT	6.450.000	
4	Kim Việt Đoàn	15DSPT	6.450.000	
5	Vũ Đình Hữu	15DSPT	6.450.000	
6	Nguyễn Ngọc Huê	15DSPT	6.450.000	
7	Nguyễn Gia Huy	15DSPT	6.450.000	
8	Nguyễn Đăng Huy	15DSPT	6.450.000	
9	Phan Thị Thúy Huỳnh	15DSPT	6.450.000	
10	Phan Việt Khải	15DSPT	6.450.000	
11	Trần Hoàng Khải	15DSPT	6.450.000	
12	Bùi Thanh Long	15DSPT	6.450.000	
13	Lê Hữu Luân	15DSPT	6.450.000	
14	Nguyễn Ngọc Minh Mẫn	15DSPT	6.450.000	
15	Tiêu Anh Mẫn	15DSPT	6.450.000	
16	Huỳnh Khải Nam	15DSPT	6.450.000	
17	Nguyễn Thị Huệ Nhi	15DSPT	6.450.000	
18	Võ Trần Kim Như	15DSPT	6.450.000	
19	Cao Thị Hồng Oanh	15DSPT	6.450.000	
20	Nguyễn Thái Phương	15DSPT	6.450.000	
21	Huỳnh Kim Quyển	15DSPT	6.450.000	
22	Mã Nguyễn Thảo Quyên	15DSPT	6.450.000	
23	Mã Thúy Quỳnh	15DSPT	6.450.000	
24	Hồ Thu Sương	15DSPT	6.450.000	
25	Nguyễn Thanh Tây	15DSPT	6.450.000	
26	Lê Phúc Thiên	15DSPT	6.450.000	
27	Lê Huỳnh Mai Trinh	15DSPT	6.450.000	
28	Nguyễn Lý Yên Vy	15DSPT	6.450.000	



STT	Họ và tên	Lớp	Học phí HK II, NH 2024-2025	Ghi chú
29	Dương Tố Ngoan	15DSPT	6.450.000	
30	Trương Trúc Linh	15DSPSH	6.450.000	
31	Văn Thị Mẫn	15DSPSH	6.450.000	
32	Võ Thành Nguyên	15DSPSH	6.450.000	
33	Lê Tú Như	15DSPSH	6.450.000	
34	Đặng Thị Bích Như	15DSPSH	6.450.000	
35	Quách Anh Thư	15DSPSH	6.450.000	
36	Lê Thị Như Ý	15DSPSH	6.450.000	
37	Diệp Gia Chuẩn	16DSPHH	6.450.000	
38	Nguyễn Thành Đạt	16DSPHH	6.450.000	
39	Nguyễn Nhựt Hào	16DSPHH	6.450.000	
40	Trần Gia Hân	16DSPHH	6.450.000	
41	Đào Nhật Huy	16DSPHH	6.450.000	
42	Nguyễn Văn Khả	16DSPHH	6.450.000	
43	Lê Thành Mộng	16DSPHH	6.450.000	
44	Trần Tiểu My	16DSPHH	6.450.000	
45	Huỳnh Bích Ngân	16DSPHH	6.450.000	
46	Nguyễn Thoại Ngọc	16DSPHH	6.450.000	
47	Nguyễn Trọng Phúc	16DSPHH	6.450.000	
48	Nguyễn Thị Việt Phương	16DSPHH	6.450.000	
49	Nguyễn Ngọc Trâm	16DSPHH	6.450.000	
50	Tạ Nhã Trân	16DSPHH	6.450.000	
51	Tiêu Ngọc Phương Anh	17DGDTH1	6.450.000	
52	Nguyễn Hoài Bảo	17DGDTH1	6.450.000	
53	Nguyễn Thái Bình	17DGDTH1	6.450.000	
54	Nguyễn Thị Thùy Dương	17DGDTH1	6.450.000	
55	Bạch Thị Bé Duyên	17DGDTH1	6.450.000	
56	Dương Thị Tâm Đoan	17DGDTH1	6.450.000	
57	Trần Thị Trà Giang	17DGDTH1	6.450.000	
58	Lê Gia Hân	17DGDTH1	6.450.000	
59	Châu Trần Liên Hoa	17DGDTH1	6.450.000	
60	Lâm Xuân Huyền	17DGDTH1	6.450.000	
61	Nguyễn Lê Kiệt	17DGDTH1	6.450.000	
62	Nguyễn Thị Trúc Linh	17DGDTH1	6.450.000	
63	Son Thị Hồng Linh	17DGDTH1	6.450.000	
64	Nguyễn Thị Thoại Miêu	17DGDTH1	6.450.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Học phí HK II, NH 2024-2025	Ghi chú
65	Nguyễn Thị Kim Mỏn	17DGDTH1	6.450.000	
66	Phạm Thị Diễm My	17DGDTH1	6.450.000	
67	Quách Hằng My	17DGDTH1	6.450.000	
68	Nguyễn Thị Thanh Ngân	17DGDTH1	6.450.000	
69	Trần Bích Ngọc	17DGDTH1	6.450.000	
70	Trần Quang Thanh Nhã	17DGDTH1	6.450.000	
71	Trần Ngọc Nhi	17DGDTH1	6.450.000	
72	Lâm Thị Huỳnh Như	17DGDTH1	6.450.000	
73	Tôn Thúy Quyên	17DGDTH1	6.450.000	
74	Nguyễn Thành Tân	17DGDTH1	6.450.000	
75	Võ Bé Thảo	17DGDTH1	6.450.000	
76	Võ Ngọc Thảo	17DGDTH1	6.450.000	
77	Lê Thị Minh Thư	17DGDTH1	6.450.000	
78	Lã Ngọc Hoài Thương	17DGDTH1	6.450.000	
79	Trần Thị Mỹ Tú	17DGDTH1	6.450.000	
80	Võ Ngọc Tuyền	17DGDTH1	6.450.000	
81	Võ Lê Liễu Vân	17DGDTH1	6.450.000	
82	Hữu Thị Yến Vy	17DGDTH1	6.450.000	
83	Trương Thị Như Yên	17DGDTH1	6.450.000	
84	Lê Thị Hải Yến	17DGDTH1	6.450.000	
85	Lê Tiểu Ái	17DGDTH2	6.450.000	
86	Lê Chí Cường	17DGDTH2	6.450.000	
87	Trần Vưu Thùy Dương	17DGDTH2	6.450.000	
88	Trần Thị Duy	17DGDTH2	6.450.000	
89	Võ Văn Đây	17DGDTH2	6.450.000	
90	Mai Thuý Đình	17DGDTH2	6.450.000	
91	Võ Thị Xuân Đoan	17DGDTH2	6.450.000	
92	Nguyễn Huỳnh Giao	17DGDTH2	6.450.000	
93	Nguyễn Huỳnh Bảo Hân	17DGDTH2	6.450.000	
94	Trần Ngọc Hân	17DGDTH2	6.450.000	
95	Phạm Thị Huỳnh	17DGDTH2	6.450.000	
96	Nguyễn Văn Kha	17DGDTH2	6.450.000	
97	Phạm Yến Khoa	17DGDTH2	6.450.000	
98	Đỗ Thị Kim	17DGDTH2	6.450.000	
99	Tạ Thị Mỹ Linh	17DGDTH2	6.450.000	
100	Hồ Thị Thu Ngân	17DGDTH2	6.450.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Học phí HK II, NH 2024-2025	Ghi chú
101	Đoàn Ngọc Bích Ngân	17DGDTH2	6.450.000	
102	Phạm Thị Kim Ngân	17DGDTH2	6.450.000	
103	Nguyễn Đình Ngộ	17DGDTH2	6.450.000	
104	Nguyễn Thị Nhẹ	17DGDTH2	6.450.000	
105	Châu Tuyết Nhi	17DGDTH2	6.450.000	
106	Lê Ngọc Nhi	17DGDTH2	6.450.000	
107	Nguyễn Hồng Nhi	17DGDTH2	6.450.000	
108	Nguyễn Thị Huỳnh Như	17DGDTH2	6.450.000	
109	Lê Thị Trúc Phương	17DGDTH2	6.450.000	
110	Trần Thị Như Quỳnh	17DGDTH2	6.450.000	
111	Trần Thị Phương Thanh	17DGDTH2	6.450.000	
112	Nguyễn Ngọc Thảo	17DGDTH2	6.450.000	
113	Nguyễn Thị Anh Thư	17DGDTH2	6.450.000	
114	Phạm Minh Thư	17DGDTH2	6.450.000	
115	Nguyễn Anh Thoại	17DGDTH2	6.450.000	
116	Trần Thị Kiều Trân	17DGDTH2	6.450.000	
117	Lâm Thị Ngọc Tuyết	17DGDTH2	6.450.000	
118	Nguyễn Minh Thu Uyên	17DGDTH2	6.450.000	
119	Đỗ Trần Thanh Vy	17DGDTH2	6.450.000	
120	Liêu Thị Như Ý	17DGDTH2	6.450.000	
121	Triệu Lê Chí Bảo	17DGDTH3	6.450.000	
122	Nguyễn Thuý Duy	17DGDTH3	6.450.000	
123	Hoàng Nguyễn Khánh Duyên	17DGDTH3	6.450.000	
124	Lê Kim Duyên	17DGDTH3	6.450.000	
125	Bùi Thị Hương Giang	17DGDTH3	6.450.000	
126	Nguyễn Thị Bích Hoa	17DGDTH3	6.450.000	
127	Phạm Minh Kháng	17DGDTH3	6.450.000	
128	Trần Thị Bích Khoa	17DGDTH3	6.450.000	
129	Phạm Thị Yến Linh	17DGDTH3	6.450.000	
130	Trần Thị Trúc Ly	17DGDTH3	6.450.000	
131	Đỗ Ngọc Tuyết Mai	17DGDTH3	6.450.000	
132	Trịnh Thị Trúc Mai	17DGDTH3	6.450.000	
133	Lữ Thị Kim Ngân	17DGDTH3	6.450.000	
134	Hồ Tình Nghĩa	17DGDTH3	6.450.000	
135	Lê Bảo Ngọc	17DGDTH3	6.450.000	
136	Dương Tuyết Nhi	17DGDTH3	6.450.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Học phí HK II, NH 2024-2025	Ghi chú
137	Nguyễn Yến Nhi	17DGDTH3	6.450.000	
138	Lâm Tâm Như	17DGDTH3	6.450.000	
139	Trần Tú Như	17DGDTH3	6.450.000	
140	Nguyễn Thị Thanh Phương	17DGDTH3	6.450.000	
141	Đông Thị Kim Phụng	17DGDTH3	6.450.000	
142	Lâm Vạn Sự	17DGDTH3	6.450.000	
143	Phan Hồng Thắm	17DGDTH3	6.450.000	
144	Nguyễn Thanh Thảo	17DGDTH3	6.450.000	
145	Phạm Thị Thu Thảo	17DGDTH3	6.450.000	
146	Cái Thị Anh Thư	17DGDTH3	6.450.000	
147	Trần Phượng Thư	17DGDTH3	6.450.000	
148	Trần Thị Anh Thư	17DGDTH3	6.450.000	
149	Lâm Kiều Trân	17DGDTH3	6.450.000	
150	Nguyễn Ngọc Trâm	17DGDTH3	6.450.000	
151	Nguyễn Thị Tú Trinh	17DGDTH3	6.450.000	
152	Ngô Thị Trúc	17DGDTH3	6.450.000	
153	Phạm Thanh Tùng	17DGDTH3	6.450.000	
154	Lý Thảo Vân	17DGDTH3	6.450.000	
155	Dương Thuý Vy	17DGDTH3	6.450.000	
156	Nguyễn Thanh Thảo Vy	17DGDTH3	6.450.000	
157	Trần Quyền Khả Ái	18CM	6.040.000	
158	Nguyễn Tuyết Băng	18CM	6.040.000	
159	Lê Như Bình	18CM	6.040.000	
160	Trần Y Bình	18CM	6.040.000	
161	Nguyễn Thị Chanh	18CM	6.040.000	
162	Dương Thị Diễm Chi	18CM	6.040.000	
163	Lâm Thị Thúy Duy	18CM	6.040.000	
164	Nguyễn Thúy Duy	18CM	6.040.000	
165	Dương Thị Tâm Đào	18CM	6.040.000	
166	Lý Thị Ngọc Hân	18CM	6.040.000	
167	Trần Ngọc Hân	18CM	6.040.000	
168	Lê Thị Mỹ Hiền	18CM	6.040.000	
169	Trương Mộng Hoài	18CM	6.040.000	
170	Trần Thị Bích Hồng	18CM	6.040.000	
171	Huỳnh Thị Thúy Huỳnh	18CM	6.040.000	
172	Lâm Thị Mỹ Loan	18CM	6.040.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Học phí HK II, NH 2024-2025	Ghi chú
173	Nguyễn Thị Tiểu My	18CM	6.040.000	
174	Lê Ngọc Ngân	18CM	6.040.000	
175	Giả Mộng Nghi	18CM	6.040.000	
176	Hoàng Bảo Ngọc	18CM	6.040.000	
177	Diệp Thảo Nguyên	18CM	6.040.000	
178	Lý Minh Nguyệt	18CM	6.040.000	
179	Huỳnh Thị Mỹ Nhân	18CM	6.040.000	
180	Lý Huỳnh Như	18CM	6.040.000	
181	Nguyễn Quỳnh Như	18CM	6.040.000	
182	Ngô Thanh Thảo	18CM	6.040.000	
183	Đoàn Phương Thảo	18CM	6.040.000	
184	Bùi Thị Thanh Thoảng	18CM	6.040.000	
185	Du Cẩm Thúy	18CM	6.040.000	
186	Sơn Thị Thùy	18CM	6.040.000	
187	Lưu Thị Anh Thư	18CM	6.040.000	
188	Nguyễn Anh Thư	18CM	6.040.000	
189	Nguyễn Hoàng Anh Thư	18CM	6.040.000	
190	Nguyễn Thị Anh Thư	18CM	6.040.000	
191	Nguyễn Thị Bích Tiên	18CM	6.040.000	
192	Khru Thị Mỹ Xuyên	18CM	6.040.000	
193	Nguyễn Thị Như Ý	18CM	6.040.000	
194	Trần Như Ý	18CM	6.040.000	
195	Trần Ngọc Đàm	18CM	6.040.000	
196	Ngô Thị Mỹ Thu	18CM	6.040.000	
197	Nguyễn Thị Cẩm Giang	18CM	6.040.000	
198	Nguyễn Minh Thư	18CM	6.040.000	
199	Nguyễn Thị Thùy An	18DGDTH1	6.450.000	
200	Đỗ Quế Anh	18DGDTH1	6.450.000	
201	Lê Mộng Bình	18DGDTH1	6.450.000	
202	Trần Đại Đồng	18DGDTH1	6.450.000	
203	Trần Khánh Dung	18DGDTH1	6.450.000	
204	Tạ Nghĩa Em	18DGDTH1	6.450.000	
205	Ngô Gia Hân	18DGDTH1	6.450.000	
206	Huỳnh Thị Mỹ Hằng	18DGDTH1	6.450.000	
207	Trần Thị Ý Huỳnh	18DGDTH1	6.450.000	
208	Nguyễn Minh Khôi	18DGDTH1	6.450.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Học phí HK II, NH 2024-2025	Ghi chú
209	Nguyễn Thị Chúc Ly	18DGDTH1	6.450.000	
210	Lâm Thị Sô Mi	18DGDTH1	6.450.000	
211	Nguyễn Thị Diễm My	18DGDTH1	6.450.000	
212	Châu Thị Kim Ngân	18DGDTH1	6.450.000	
213	Lê Nguyệt Nhi	18DGDTH1	6.450.000	
214	Huỳnh Lâm Yến Nhi	18DGDTH1	6.450.000	
215	Trần Thị Mỹ Nương	18DGDTH1	6.450.000	
216	Tạ Minh Quang	18DGDTH1	6.450.000	
217	Trần Thúy Quỳnh	18DGDTH1	6.450.000	
218	Lê Hữu Tài	18DGDTH1	6.450.000	
219	Lã Thị Thu Thảo	18DGDTH1	6.450.000	
220	Lâm Thị Chành Thu	18DGDTH1	6.450.000	
221	Huỳnh Thị Bảo Trâm	18DGDTH1	6.450.000	
222	Võ Thị Bích Trân	18DGDTH1	6.450.000	
223	Ong Bảo Trân	18DGDTH1	6.450.000	
224	Lâm Trần Hồng Vân	18DGDTH1	6.450.000	
225	Nguyễn Ngọc Tường Vi	18DGDTH1	6.450.000	
226	Hứa Lập Vĩ	18DGDTH1	6.450.000	
227	Lưu Hải My	18DGDTH1	6.450.000	
228	Trương Thị Trúc Huỳnh	18DGDTH1	6.450.000	
229	Lê Huỳnh Thúy Hằng	18DGDTH1	6.450.000	
230	Tăng Như Quỳnh	18DGDTH1	6.450.000	
231	Nguyễn Như Quỳnh	18DGDTH1	6.450.000	
232	Quách Da Hân	18DGDTH2	6.450.000	
233	Đinh Thị Hồng Cẩm	18DGDTH2	6.450.000	
234	Lê Trần Khánh Duy	18DGDTH2	6.450.000	
235	Dương Thị Thúy Duy	18DGDTH2	6.450.000	
236	Phan Thị A Liệu	18DGDTH2	6.450.000	
237	Nguyễn Huỳnh Thư	18DGDTH2	6.450.000	
238	Tô Kim Đính	18DGDTH2	6.450.000	
239	Trần Ngọc Hoa	18DGDTH2	6.450.000	
240	Thạch Hồng Gấm	18DGDTH2	6.450.000	
241	Dương Tấn Đạt	18DGDTH2	6.450.000	
242	Nguyễn Kim Muội	18DGDTH2	6.450.000	
243	Nguyễn Bảo Trân	18DGDTH2	6.450.000	
244	Võ Văn Huy	18DGDTH2	6.450.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Học phí HK II, NH 2024-2025	Ghi chú
245	Trịnh Kiều My	18DGDTH2	6.450.000	
246	Trần Ngọc Nhi	18DGDTH2	6.450.000	
247	Trần Thị Cẩm Ly	18DGDTH2	6.450.000	
248	Nguyễn Thị Mai Phương	18DGDTH2	6.450.000	
249	Bùi Nha Quynh	18DGDTH2	6.450.000	
250	Lê Nguyễn Bích Trâm	18DGDTH2	6.450.000	
251	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	18DGDTH2	6.450.000	
252	Huỳnh Trần Thanh Phong	18DGDTH2	6.450.000	
253	Lê Trần Tuyết Băng	18DGDTH2	6.450.000	
254	Lê Yến Phương	18DGDTH2	6.450.000	
255	Võ Trần Quốc Triệu	18DGDTH2	6.450.000	
256	Thạch Hữu Đạt	18DGDTH2	6.450.000	
257	Trương Thị Tường Duy	18DGDTH2	6.450.000	
258	Trần Hồng Anh	18DGDTH2	6.450.000	
259	Lê Thị Ngân	18DGDTH2	6.450.000	
260	Nguyễn Bảo Trân	18DGDTH2	6.450.000	
261	Phan Thuỳ Trang	18DGDTH2	6.450.000	
262	Diệp Thị Diễm Trúc	18DGDTH2	6.450.000	
263	Ngô Anh Tuấn	18DGDTH2	6.450.000	
264	Trần Bảo Yến	18DGDTH2	6.450.000	
265	Trần Mỹ Ái	18DGDTH3	6.450.000	
266	Trương Trang Trúc Anh	18DGDTH3	6.450.000	
267	Võ Kim Cương	18DGDTH3	6.450.000	
268	Hồ Phạm Khánh Duy	18DGDTH3	6.450.000	
269	Tổng Mỹ Duyên	18DGDTH3	6.450.000	
270	Trần Tấn Đạt	18DGDTH3	6.450.000	
271	Châu Ngọc Giàu	18DGDTH3	6.450.000	
272	Huỳnh Văn Huỳnh	18DGDTH3	6.450.000	
273	Triệu Thị Tú Hương	18DGDTH3	6.450.000	
274	Quách Anh Khôi	18DGDTH3	6.450.000	
275	Lê Phương Lam	18DGDTH3	6.450.000	
276	Võ Pha Lê	18DGDTH3	6.450.000	
277	Trần Hồng Khánh Linh	18DGDTH3	6.450.000	
278	Trần Thị Như Mến	18DGDTH3	6.450.000	
279	Đặng Hoài Nam	18DGDTH3	6.450.000	
280	Phạm Tuyết Nga	18DGDTH3	6.450.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Học phí HK II, NH 2024-2025	Ghi chú
281	Quách Thành Nhân	18DGDTH3	6.450.000	
282	Huỳnh Tú Nghi	18DGDTH3	6.450.000	
283	Lý Thị Mỹ Nhiên	18DGDTH3	6.450.000	
284	Đình Hồng Thủy Ngọc	18DGDTH3	6.450.000	
285	Phạm Khánh Nguyên	18DGDTH3	6.450.000	
286	Trần Ngọc Phúc	18DGDTH3	6.450.000	
287	Nguyễn Thị Hồng Phượng	18DGDTH3	6.450.000	
288	Tô Thúy Quyên	18DGDTH3	6.450.000	
289	Phạm Thị Ngọc Thảo	18DGDTH3	6.450.000	
290	Nguyễn Nhật Thiên	18DGDTH3	6.450.000	
291	Trần Thị Kiều Tiên	18DGDTH3	6.450.000	
292	Đàm Thị Đoan Trang	18DGDTH3	6.450.000	
293	Nguyễn Thị Nhã Trâm	18DGDTH3	6.450.000	
294	Ong Mộng Trúc	18DGDTH3	6.450.000	
295	Châu Phương Tuyết Vân	18DGDTH3	6.450.000	
296	Huỳnh Tường Vy	18DGDTH3	6.450.000	
297	Lâm Thị Bảo Xuyên	18DGDTH3	6.450.000	
298	Võ Tường Như Ý	18DGDTH3	6.450.000	
	TỔNG CỘNG:		1.904.880.000	

Danh sách này gồm có 298 sinh viên

Số tiền bằng chữ: Một tỷ chín trăm lẻ bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng.

